**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - H1 phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 05-7-2019
*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Đình Triết

*Các thẩm phán*: Ông Nguyễn Duy Thuấn
Bà Trần Thị Phượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lại Thị Minh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2019/TLPT-HNGĐ ngày 14/6/2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2019/HNGĐ-ST ngày 24/4/2018 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2019/QĐ-PT ngày 17/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Sỹ H – Sinh năm: 1963.
Địa chỉ: Đường B, xã T, thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H1 – Sinh năm 1961.
Địa chỉ: Đường B, xã T, thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H2 – Sinh năm 1977.
Địa chỉ: Đường C, thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk; có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị H1.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Sỹ H trình bày**:

Tôi và bà Nguyễn Thị H1 đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/01/1989.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó từ năm 2013 thì vợ chồng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xung đột, cãi vã nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Chúng tôi đã sống ly thân từ khoảng tháng 8/2013 cho đến nay.

Hiện nay chúng tôi mỗi người đều có cuộc sống riêng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của tôi xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Sỹ H3 – Sinh năm 1989 và cháu Nguyễn Sỹ H4 – Sinh năm 1994. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, tự quyết định cuộc sống của mình nên tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà H1 tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:**

Tôi và ông Nguyễn Sỹ H đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/01/1989.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, từ ngày 03/8/2018 cho đến nay ông H bỏ nhà ra ở riêng. Nay ông Nguyễn Sỹ H xin ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án cho chúng tôi được đoàn tụ gia đình để chúng tôi có thời gian để thỏa thuận về vấn đề tài sản chung trước khi ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Sỹ H3 – Sinh năm 1989 và cháu Nguyễn Sỹ H4 – Sinh năm 1994. Các cháu đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, tự quyết định cuộc sống của mình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyện vọng của tôi xin được đoàn tụ gia đình nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết .

**Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2019/HNGĐ-ST ngày 24/4/2019 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Nguyễn Sỹ H đối với bà Nguyễn Thị H1.

Ông Nguyễn Sỹ H được ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

Về con chung: Hiện các con chung là Nguyễn Sỹ H3 – Sinh năm 1989; Nguyễn Sỹ H4 – Sinh năm 1994 đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Sỹ H và bà Nguyễn Thị H1 tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Sỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Sỹ H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008333 ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27-4-2019, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo xin được đoàn tụ vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Sỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quan điểm như sau:*

- Về phần thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Sỹ H đã trầm trọng, thể hiện trong Biên bản xác minh ngày 12/3/2019 tại Thôn 1, xã T, Tp. Buôn Ma Thuột. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 cũng thừa nhận vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 8/2013 cho đến nay, nhưng bà không đồng ý ly hôn vì phần tài sản chưa yêu cầu giải quyết, bà muốn đoàn tụ để vợ chồng có thời gian để thỏa thuận về tài sản chung, nhưng ông Thuấn không muốn đoàn tụ và khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, đơn kháng cáo của bị đơn là bà H1 không có cơ sở xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Cuộc sống chung của ông H, bà H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Bà H1 nghi ngờ lòng chung thủy của ông H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 cho rằng ông H chung sống ngoại tình với bà Nguyễn Thị H2, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai

của bà H2 cho bà H1 nghe, và bà H1 không có chứng cứ nào khác để xuất trình, đồng thời thừa nhận bà đã nghi ngờ lòng chung thủy của ông H.

Xét kháng cáo của bà H1 xin được đoàn tụ vợ chồng, nhưng khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng bà H1 đều không đến tham gia hòa giải để hàn gắn hạnh phúc, và có đơn xin tạm ngừng giải quyết để vợ chồng thỏa thuận sang tên tài sản cho bà H1. Sau khi tự thỏa thuận sang tên cho nhau xong, bà H1 vẫn không đến tòa án để hòa giải và cũng không có phương pháp hàn gắn hạnh phúc, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc bà H1 cho rằng đã lớn tuổi, các con đã trưởng thành, bà xin được đoàn tụ, nhưng bà H1 không chịu hòa giải, không có phương pháp hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, nên cấp sơ thẩm đã xét xử cho ly hôn là phù hợp. Kháng cáo của bà H1 không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Sỹ H và bà Nguyễn Thị H1 có hai con chung là cháu Nguyễn Sỹ H3 – Sinh năm 1989 và cháu Nguyễn Sỹ H4 – Sinh năm 1994. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, tự quyết định cuộc sống của mình, nên ông H, bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 – Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2019/HNGĐ-ST ngày 24/4/2019 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Nguyễn Sỹ H đối với bà Nguyễn Thị H1. Ông Nguyễn Sỹ H được ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Sỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Sỹ H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008333 ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu số AA/2017/0012404 ngày 08-5-2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. T1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Đình Triết**